

Số: 110/2026/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Muôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Phi Công

2. Bà Trần Thị Như Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Căn cứ các Điều 212, 213, 235 và Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 271/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản, đòi lại tài sản, công nhận quyền sở hữu và hoàn trả chi phí sửa chữa đối với di sản”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà Petra V CaoLe (Cao Thúy M), sinh năm: 1974; Địa chỉ thường trú: 14559 NEth Place, B, WA 98007 - USA; Địa chỉ cư trú tại Việt Nam: 4 T, Phường G, Quận E (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Phước Hoàng M1, sinh năm: 1974; Địa chỉ: F T, phường T, Quận A (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền số 018017 ngày 17/10/2019 tại Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trương H, sinh năm: 1962; Địa chỉ: B H, Phường H, Quận E (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Bà Trương Thị H1 – Luật sư, Văn phòng Luật sư Trương Thị H1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; Địa chỉ: I N, phường B, Quận A (nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: I P, phường B, Quận A (nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Huỳnh Liêm K và ông Thái Quốc N – Công chứng viên (Văn bản ủy quyền số 12/CC1 ngày 06/01/2026).

1.3.2. Ông Nguyễn Phước T, sinh năm: 1967; Địa chỉ thường trú: 70 Khu phố C, phường A, Quận A (phường A), Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú: 2 V, phường P, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.3. Bà Võ Thị Kiều T1, sinh năm: 1973;

1.3.4. Chị Nguyễn Võ Mỹ H2, sinh năm: 2005;

Địa chỉ: B H, Phường H, Quận E (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.5. Em Nguyễn Võ Gia H3, sinh năm: 2008;

Người đại diện theo pháp luật của em H3: Ông Nguyễn Trương H và bà Võ Thị Kiều T1 (cha, mẹ ruột); Địa chỉ: B H, Phường H, Quận E (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các đương sự cùng thống nhất chấm dứt hiệu lực: Bản thỏa thuận và cam kết lập ngày 10/02/1992 ký giữa bà Trần Thị H4, bà Nguyễn Mỹ L, bà Trương Thị L1, ông Nguyễn Phước T, bà Hà Thị N1 và P Di chúc bà Trần Thị H4 cho ông Nguyễn Phước T và ông Nguyễn Trương H căn nhà đất số B H, Phường H, Quận E (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 4498 ngày 25/02/1992 của Phòng C1 (nay là Phòng C), Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 14949/99 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 09/12/1999 cho ông Huỳnh Kim H5 và bà Trần Thị H4).

2.2. Ông Nguyễn Trương H và gia đình gồm bà Võ Thị Kiều T1, chị Nguyễn Võ Mỹ H2 và em Nguyễn Võ Gia H3 (em H3 có cha mẹ ruột là ông H và bà T1 là người đại diện theo pháp luật) đồng ý giao trả nguyên trạng căn nhà đất số B H, Phường H, Quận E (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh cho nguyên đơn bà P1 Victoria CaoLe (C).

2.3. Bà Petra V CaoLe (Cao Thúy M) do bà Đặng Phước Hoàng M1 đại diện đồng ý thanh toán cho ông Nguyễn Trương H và gia đình tổng số tiền

2.800.000.000 (Hai tỷ, tám trăm triệu) đồng, bao gồm tiền công sức quản lý di sản, tiền hỗ trợ chi phí ổn định cuộc sống và tiền chi phí sửa chữa di sản đối với căn nhà đất số B H, Phường H, Quận E (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc giao nhà và nhận tiền được thực hiện vào ngày 01 tháng 6 năm 2026 (dương lịch).

2.4. Sau khi ông Nguyễn Trương H và gia đình giao trả nguyên trạng căn nhà đất số B H, Phường H, Quận E (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Petra V CaoLe (Cao Thúy M) được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cập nhật biến động quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 14949/99 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho ông Huỳnh Kim H5 và bà Trần Thị H4 vào ngày 09/12/1999. Bà Petra V CaoLe (Cao Thúy M) tự nộp các chi phí phát sinh nếu có.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và định giá: Các bên tự nguyện chịu các chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án. Các bên đã nộp đủ.

2.6. Về án phí:

- Nguyên đơn bà P1 Victoria CaoLe (C) phải nộp 88.000.000 (Tám mươi tám triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được cản trừ vào số tiền 56.100.000 (Năm mươi sáu triệu, một trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0091759 ngày 07/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H). Bà Petra V CaoLe (Cao Thúy M) phải nộp bổ sung số tiền là 31.900.000 (Ba mươi một triệu, chín trăm nghìn) đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Trương H là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi và các Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí cho bị đơn.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Muôn